

QUYẾT ĐỊNH

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. ĐÀ NẴNG

Số: 7982
Ngày: 14/7/2017

Chuyển:

hành Kế hoạch đầu tư phát triển vận tải hành khách
đường thủy nội địa và bến thủy nội địa trên địa bàn
thành phố Đà Nẵng đến năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 24/6/2004 và Luật Giao thông đường thủy nội địa sửa đổi số 48/2014/QH13 ngày 17/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 6651/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3310/TT-SGTVT ngày 29/6/2017 về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch đầu tư phát triển vận tải hành khách đường thủy nội địa và bến thủy nội địa trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch đầu tư phát triển vận tải hành khách đường thủy nội địa và bến thủy nội địa trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Công an thành phố, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các quận, huyện và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Giao thông vận tải;
- TTTU, TT HĐND thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Công an TP;
- BCH Bộ đội BP TP;
- Các Sở: GTVT, Du lịch, KH&ĐT, TC, Tư pháp;
- UBND các quận, huyện;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, QLĐT.



KT. CHỦ TỊCH
PHẠM CHỦ TỊCH
Nguyễn Ngọc Tuấn

KẾ HOẠCH

Đầu tư phát triển vận tải hành khách đường thủy nội địa và bến thủy nội địa trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3847 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

I. MỤC TIÊU

- Xây dựng và nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách đường thủy nội địa, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của thành phố Đà Nẵng.
- Kiểm soát chặt chẽ việc đầu tư phát triển phương tiện phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng phương tiện thủy nội địa trên địa bàn thành phố.
- Phát triển đội tàu theo hướng đa dạng, ưu tiên khuyến khích phát triển các loại tàu có thiết kế mang tính hiện đại, tính an toàn cao, bảo vệ môi trường và phù hợp với cảnh quan trên các tuyến vận tải.
- Đảm bảo sự phát triển đồng bộ, cân đối giữa phương tiện vận tải hành khách du lịch, bến thủy nội địa và các điểm đến du lịch trên tuyến đường thủy nội địa.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Yêu cầu chung về phương tiện và trang thiết bị trên phương tiện

a) Về phương tiện

- Tất cả các phương tiện thủy nội địa phải được cơ quan Đăng kiểm kiểm tra và chứng nhận phù hợp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng mới phương tiện thủy nội địa.
- Đối với phương tiện đóng mới trong nước, phải được đóng tại cơ sở đóng tàu được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định.
- Phương tiện có vùng hoạt động phù hợp với phạm vi đăng ký hoạt động kinh doanh vận tải hành khách đường thủy nội địa.
- Phương tiện khi hoạt động ở vùng vịnh Đà Nẵng, vùng nước Cảng biển Đà Nẵng, thuyền trưởng có trách nhiệm thông báo đến Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng và chịu sự giám sát, điều động của hệ thống giám sát, quản lý hàng hải tàu thuyền Đà Nẵng (VTS Đà Nẵng) – thuộc Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng.
- Kích thước của phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến phải phù hợp với cấp kỹ thuật của luồng tuyến đường thủy nội địa được cơ quan có thẩm quyền công bố và chiều cao tĩnh không các công trình vượt sông theo Phụ lục 1 (đính kèm).
- Khả năng khai thác (sức chở cho phép) của phương tiện phù hợp yêu cầu từng tuyến đăng ký hoạt động.
- Phương tiện phải được cơ quan Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy có thẩm quyền kiểm tra và chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.

b) Về trang thiết bị

- Ngoài việc trang bị theo quy định hiện hành, kể từ ngày 01/01/2018 tất cả tàu khách hoạt động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng phải trang bị:
- Trang bị hệ thống chống sét trên tàu.

- Hệ thống chiếu sáng dự phòng.
- Trang bị thiết bị phân ly nước thải hoặc thu gom nước thải (*áp dụng với tàu khách (nhà hàng nổi)*).
- Trang bị nhà vệ sinh có xử lý chất thải theo quy trình khép kín (*không xả trực tiếp ra môi trường bên ngoài*).
- Lắp đặt thiết bị nhận dạng tự động (*gọi là AIS*) chuyên dùng cho phương tiện (*loại class B*) hoặc thiết bị AIS có tính năng kỹ thuật tương đương phù hợp.

2. Phát triển tuyến vận tải hành khách đường thủy nội địa

a) Tuyến sông Hàn – cầu Trần Thị Lý

(*Lộ trình: cảng, bến xuất phát – hạ lưu cầu Trần Thị Lý - thượng lưu cầu Thuận Phước – cảng, bến xuất phát (đích đến cuối cùng)*).

- Vị trí cảng, bến xuất phát và đích đến cuối cùng: cảng, bến trên sông Hàn.
- Loại hình kinh doanh: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng chuyên, kinh doanh vận chuyển khách du lịch.

- Yêu cầu phương tiện: ngoài quy định chung tại mục II.1, phương tiện hoạt động trên tuyến phải được cơ quan đăng kiểm chứng nhận một trong các vùng hoạt động: SI, SII, SB, vùng IV và có khả năng khai thác từ 50 khách đến 250 khách.

- Thời gian hoạt động trên tuyến: bắt đầu từ 07giờ30 và kết thúc lúc 22giờ30 (*riêng thứ Bảy, chủ Nhật và ngày Lễ kết thúc lúc 23giờ00*).

b) Tuyến sông Hàn – cửa biển – bán đảo Sơn Trà

(*Lộ trình: cảng, bến xuất phát – cầu Thuận Phước – bán đảo Sơn Trà – cảng, bến xuất phát (đích đến cuối cùng)*).

- Vị trí cảng, bến xuất phát và đích đến cuối cùng: cảng, bến trên sông Hàn.
- Loại hình kinh doanh: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng chuyên, kinh doanh vận chuyển khách du lịch.

- Yêu cầu phương tiện: ngoài quy định chung tại mục II.1, phương tiện hoạt động trên tuyến phải được cơ quan đăng kiểm chứng nhận vùng hoạt động SB và có khả năng khai thác từ 30 khách đến 250 khách.

- Thời gian hoạt động trên tuyến: bắt đầu từ 07giờ30 và kết thúc lúc 17giờ30. Riêng tàu khách (nhà hàng nổi) kết thúc trước 21giờ00.

c) Tuyến sông Hàn đi hòn Chảo

(*Lộ trình: cảng, bến xuất phát – cầu Thuận Phước – bãi Sừng Cỏ - hòn Chảo – cảng, bến xuất phát (đích đến cuối cùng)*).

- Vị trí cảng, bến xuất phát và đích đến cuối cùng: cảng, bến trên sông Hàn.
- Loại hình kinh doanh: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng chuyên, kinh doanh vận chuyển khách du lịch.

- Yêu cầu phương tiện: ngoài quy định chung tại mục II.1, phương tiện hoạt động trên tuyến phải được cơ quan đăng kiểm chứng nhận vùng hoạt động SB và có khả năng khai thác từ 30 khách đến 250 khách.

- Thời gian hoạt động trên tuyến: bắt đầu từ 07giờ30 và kết thúc lúc 17giờ30. Riêng tàu khách (nhà hàng nổi) kết thúc trước 21giờ00.

d) Tuyến sông Hàn – Cù Lao Chàm

(Lộ trình: cảng, bến xuất phát – cầu Thuận Phước – Cù Lao Chàm - cảng, bến xuất phát (đích đến cuối cùng)).

- Vị trí cảng, bến xuất phát và đích đến cuối cùng: cảng, bến trên sông Hàn.

- Loại hình kinh doanh: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng chuyến, kinh doanh vận chuyển khách du lịch.

- Yêu cầu phương tiện: ngoài quy định chung tại mục II.1, phương tiện hoạt động trên tuyến phải được cơ quan đăng kiểm chứng nhận vùng hoạt động SB và có khả năng khai thác từ 30 khách đến 250 khách.

- Thời gian hoạt động trên tuyến: bắt đầu từ 07giờ30 và kết thúc 17giờ30. Riêng tàu khách (nhà hàng nổi) kết thúc trước 21giờ00.

đ) Tuyến sông Hàn đi Ngũ Hành Sơn

(Lộ trình: cảng, bến xuất phát – khu di tích cách mạng K20 – khu danh thắng Ngũ Hành Sơn – cảng, bến xuất phát (đích đến cuối cùng)).

- Vị trí cảng, bến xuất phát và đích đến cuối cùng: cảng, bến trên sông Hàn.

- Loại hình kinh doanh: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng chuyến, kinh doanh vận chuyển khách du lịch.

- Yêu cầu phương tiện: ngoài quy định chung tại mục II.1, phương tiện hoạt động trên tuyến phải được cơ quan đăng kiểm chứng nhận một trong các vùng hoạt động: SI, SII, vùng IV và có khả năng khai thác từ 20 khách đến 30 khách (trừ phương tiện từ tuyến sông Hàn-cầu Trần Thị Lý chuyển sang theo Công văn số 8901/UBND-SGTVT ngày 29/10/2016).

- Thời gian hoạt động trên tuyến: bắt đầu từ 07giờ30 và kết thúc lúc 17giờ30.

e) Tuyến Cẩm Lệ - Tuyền Loan – Thái Lai

(Lộ trình: cảng, bến xuất phát – Thái Lai – cảng, bến xuất phát (đích đến cuối cùng)).

- Vị trí cảng, bến xuất phát và đích đến cuối cùng: cảng, bến trên sông Hàn.

- Loại hình kinh doanh: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng chuyến, kinh doanh vận chuyển khách du lịch.

- Yêu cầu phương tiện: ngoài quy định chung tại mục II.1, phương tiện hoạt động trên tuyến phải được cơ quan đăng kiểm chứng nhận một trong các vùng hoạt động: SI, SII, vùng IV và có khả năng khai thác từ 20 khách đến 30 khách (trừ các phương tiện từ tuyến sông Hàn-cầu Trần Thị Lý chuyển sang theo Công văn số 8901/UBND-SGTVT ngày 29/10/2016).

- Thời gian hoạt động trên tuyến: bắt đầu từ 07giờ30 và kết thúc 17giờ30.

f) Tuyến sông Cu Đê – Trường Định

(Lộ trình: cảng, bến xuất phát – Trường Định – cảng, bến xuất phát (đích đến cuối cùng)).

- Vị trí cảng, bến xuất phát và đích đến cuối cùng: cảng, bến tại Nam Ô.

- Loại hình kinh doanh: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng chuyến, kinh doanh vận chuyển khách du lịch.

- Yêu cầu phương tiện: ngoài quy định chung tại mục II.1, phương tiện hoạt

động trên tuyến phải được cơ quan đăng kiểm chứng nhận một trong các vùng hoạt động: SI, SII, vùng IV và có khả năng khai thác từ 20 khách đến 30 khách (*trừ phương tiện từ tuyến sông Hàn-cầu Trần Thị Lý chuyển sang theo Công văn số 8901/UBND-SGTVT ngày 29/10/2016*).

- Thời gian hoạt động trên tuyến: bắt đầu từ 07giờ30 và kết thúc 17giờ30.

g) Tuyến sông Hàn đi sông Vĩnh Điện

(*Lộ trình: cảng, bến xuất phát – sông Vĩnh Điện – cảng, bến xuất phát (đích đến cuối cùng)*).

- Vị trí cảng, bến xuất phát và đích đến cuối cùng: cảng, bến trên sông Hàn.

- Loại hình kinh doanh: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng chuyến, kinh doanh vận chuyển khách du lịch.

- Yêu cầu phương tiện: ngoài quy định chung tại mục II.1, phương tiện hoạt động trên tuyến phải được cơ quan đăng kiểm chứng nhận một trong các vùng hoạt động: SI, SII, vùng IV và có khả năng khai thác từ 20 khách đến 30 khách (*trừ phương tiện từ tuyến sông Hàn-cầu Trần Thị Lý chuyển sang theo Công văn số 8901/UBND-SGTVT ngày 29/10/2016*).

- Thời gian hoạt động trên tuyến: bắt đầu từ 07giờ30 và kết thúc 17giờ30.

h) Khu vực bán đảo Sơn Trà

(*Lộ trình: cảng, bến xuất phát – vùng nước đường thủy nội địa tại khu vực – cảng, bến xuất phát (đích đến cuối cùng)*).

- Vị trí cảng, bến xuất phát và đích đến cuối cùng: bến, cảng thủy nội địa khu vực bán đảo Sơn Trà được công bố theo quy định.

- Loại hình kinh doanh: kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng chuyến, kinh doanh vận chuyển khách du lịch.

- Yêu cầu phương tiện: ngoài quy định chung tại mục II.1, phương tiện hoạt động trên tuyến phải được cơ quan đăng kiểm chứng nhận vùng hoạt động SB và có khả năng khai thác từ 30 khách đến 250 khách.

- Thời gian hoạt động trên tuyến: bắt đầu từ 07giờ30 và kết thúc 17giờ30.

3. Phân kỳ đầu tư phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải

Số lượng phương tiện được phép hoạt động trên từng tuyến vận tải được thực hiện tại *Phụ lục 2 (đính kèm)*.

4. Kế hoạch đầu tư xây dựng bến thủy nội địa phục vụ du lịch

Đảm bảo sự phát triển đồng bộ của hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu vận tải hành khách du lịch, việc đầu tư xây dựng các bến thủy nội địa được thực hiện theo kế hoạch tại *Phụ lục 3 (đính kèm)*.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với tổ chức, cá nhân

a) Không tự ý đóng mới phương tiện (*kể cả mua bán, tặng cho phương tiện thủy nội địa từ địa phương khác về Đà Nẵng dưới mọi hình thức*) để đăng ký hoạt động kinh doanh vận tải hành khách đường thủy nội địa trên địa bàn thành phố.

b) Trong trường hợp có nhu cầu kinh doanh vận tải hành khách đường thủy nội địa trên địa bàn thành phố, lập phương án kinh doanh gửi về Sở Giao thông vận tải để xem xét báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố. Phương án kinh doanh nêu rõ: loại hình

kinh doanh vận tải (theo Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ); phạm vi hoạt động phương tiện; phương án neo đậu phương tiện; cảng, bến xuất phát và đích đến; thời gian thực hiện đầu tư đóng mới phương tiện; thuyết minh chung về phương tiện (vật liệu, cấp phương tiện, tổng công suất máy chính, kích thước cơ bản, khả năng khai thác (số hành khách); bản vẽ thiết kế về bố trí chung khoang chở khách, ảnh phối cảnh 3D phương tiện).

2. Sở Giao thông vận tải

a) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có nhu cầu kinh doanh vận tải hành khách đường thủy nội địa thực hiện theo đúng Kế hoạch đầu tư phát triển vận tải hành khách đường thủy nội địa trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định việc đầu tư đóng mới, điều chỉnh (tăng, giảm, thay thế) số lượng phương tiện hoạt động trên tuyến.

c) Căn cứ vào kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa và nhu cầu phát triển vận tải hành khách trên từng tuyến, báo cáo đề xuất cơ quan có thẩm quyền công bố tuyến vận tải theo quy định.

d) Tổ chức triển khai và thực hiện Kế hoạch; hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về tiến độ thực hiện và điều chỉnh Kế hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của thành phố.

3. Sở Du lịch

a) Tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện theo Kế hoạch.

b) Tổ chức triển khai và kiểm tra, giám sát các nội dung liên quan đến hoạt động du lịch trên các tuyến vận tải. / *ML*

CHIỀU CAO TỈNH KHÔNG VÀ KHOANG THÔNG THUYỀN

(Kèm theo Quyết định số 3847 /QĐ-UBND, ngày 13/7/2017
của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)

Stt	Tên cầu	Khổ thông thuyền	
		Bề rộng B (m)	Tỉnh không H (m)
I	Tuyến Sông Hàn		
1	Cầu Thuận Phước	100,0	27,5
2	Cầu Sông Hàn	50,0	7,0
3	Cầu Rồng	50,0	7,0
4	Cầu Nguyễn Văn Trỗi	31,5	5,0
5	Cầu Trần Thị Lý	50,0	7,0
6	Cầu Tiên Sơn	50,0	6,0
II	Tuyến sông Vĩnh Điện		
1	Cầu Trung Lương	50,0	4,0
2	Cầu Khuê Đông	40,0	6,0
3	Cầu Hòa Phước	25,0	6,0
III	Tuyến sông Cẩm Lệ		
1	Cầu Hòa Xuân	25,0	4,0
2	Cầu Nguyễn Tri Phương	40,0	6,0
3	Cầu Cẩm Lệ	30,0	4,5
4	Cầu Đỏ	30,0	5,5
5	Cầu đường sắt	30,0	4,3
IV	Tuyến sông Túy Loan		
1	Cầu đường cao tốc ĐN-QN	20,0	6,5
2	Cầu Túy Loan mới (QL.14B)	20,0	6,5
3	Cầu Túy Loan cũ	20,0	3,5
4	Cầu Giảng	13,5	3,5
V	Tuyến sông Sông Yên		
1	Cầu đường cao tốc ĐN-QN	20,0	6,5
2	Cầu Sông Yên	20,0	5,5
VI	Tuyến sông Quá Giáng		
1	Cầu Quá Giáng	25,0	5,0
VII	Tuyến sông Cổ Cò		
1	Cầu Biện	15,0	3,5
2	Cầu Cổ Cò	40,0	3,5
VIII	Tuyến sông Cu Đê		
1	Cầu Đường sắt Nam Ô	30,0	3,0
2	Cầu Nam Ô cũ	25,0	3,5
3	Cầu Nam Ô mới	30,0	5,6
4	Cầu Nam Ô thượng	30,0	4,0
5	Cầu Trường Định	20,0	3,5
6	Cầu Phò Nam	40,0	4,0

PHÂN KỲ ĐẦU TƯ PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG TRÊN TUYẾN VẬN TẢI - Phụ lục 2
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2017 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)

Số TT	Tuyến vận tải hành khách / Khả năng khai thác (khách)	Số phương tiện hiện có (chiếc)	Số lượng phương tiện cho phép hoạt động trên tuyến (chiếc)				
			Đến năm 2018	Năm 2019	Đến năm 2020	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	Sông Hàn – Cầu Trần Thị Lý:						
	- Phương tiện trên 100 đến 250 khách	04	04	04	04	05	06
	- Phương tiện từ 50 đến 100 khách	04	24	30	33	44	51
2	Sông Hàn-Cửa biển-Bán đảo Sơn Trà: Phương tiện từ 30 khách đến 250 khách	0	04	04	04	10	15
3	Sông Hàn – Hòn Chảo (Đảo Ngọc) Phương tiện từ 30 khách đến 250 khách	0	04	06	08	12	14
4	Sông Hàn – Cù Lao Chàm Phương tiện từ 30 khách đến 250 khách	0	02	02	02	03	04
5	Sông Hàn – Ngũ Hành Sơn Phương tiện từ 20 khách đến 30 khách	07 ^(*)	07	07	07	11	13
6	Cẩm Lệ – Túy Loan – Thái Lai Phương tiện từ 20 khách đến 30 khách	07 ^(*)	07	07	07	10	12
7	Cu Đê – Trường Định Phương tiện từ 20 khách đến 30 khách	03 ^(*)	03	03	06	09	11
8	Sông Hàn – Vĩnh Điện Phương tiện từ 20 khách đến 30 khách	04 ^(*)	04	04	04	06	08
Tổng cộng (chiếc):		29	59	67	75	110	134

Chú thích:

^(*) những phương tiện hiện có trên tuyến sông Hàn - cầu Trần Thị Lý, có khả năng khai thác dưới 50 khách được chuyển sang hoạt động trên các tuyến sông từ ngày 01/01/2018 theo Công văn số 8901/UBND-SGTVT ngày 29/10/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng.

KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA PHỤC VỤ DU LỊCH
(Kèm theo Quyết định số ~~3847~~ /QĐ-UBND, ngày ~~13~~ /~~7~~ /2017 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Tên dự án	Địa điểm trên sông	Dự kiến mức đầu tư (tỷ đồng)	Dự kiến nguồn vốn đầu tư		Ghi chú
				NSNN	XHH	
I	Năm 2016					
1	DHC-MARINA Bến du thuyền và Câu lạc bộ thể thao dưới nước (Y3)	Sông Hàn			X	Đã xây dựng tuy nhiên Chủ đầu tư chưa đề nghị cấp phép hoạt động. Đề nghị UBND thành phố chỉ đạo Chủ đầu tư sớm hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động theo quy định.
II	Năm 2017		9			
2	Xây dựng cầu tàu tại khu vực Trạm kiểm soát biên phòng CT15 (T2)	Bán đảo Sơn Trà	2	X		Đề nghị UBND chỉ đạo Ban QLDA ĐTXD các CT NN & PTNT sớm triển khai hoàn thành thi công trong năm 2017 (đã phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 6466/QĐ-UBND ngày 22/9/2016)
3	Xây dựng cầu tàu tại khu vực K20 (X5)	Sông Cò Cò	3	X		
4	Xây dựng cầu tàu tại khu vực làng Túy Loan (X13)	Sông Túy Loan	2	X		
5	Xây dựng cầu tàu tại khu vực làng Thái Lai (X14)	Sông Túy Loan	2	X		
6	Bến du thuyền tại khu vực dự án bất động sản và bến du thuyền Đà Nẵng (Y1)	Sông Hàn	10		X	Đang triển khai thi công.



TT	Tên dự án	Địa điểm trên sông	Dự kiến mức đầu tư (tỷ đồng)	Dự kiến nguồn vốn đầu tư		Ghi chú
				NSNN	XHH	
III	Năm 2018		22			
7	Bến du thuyền tại khu vực cảng sông Hàn, phường Thạch Thang, quận Hải Châu (Y6)	Sông Hàn	5	X		Triển khai đầu tư sau khi phê duyệt quy hoạch cảnh quan 02 bên bờ sông Hàn (Hiện nay, đã lắp đặt tạm thời một số hạng mục để phục vụ hoạt động của cảng)
8	Xây dựng cầu tàu tại khu vực cạnh chân cầu phía Bắc cầu Nam Ô (sông Cu Đê) phục vụ du lịch (X1)	Sông Cu Đê	3	X		Đầu tư nhằm phát triển du lịch trên tuyến sông Cu Đê
9	Khu vực Khe Rằm, xã Hòa Bắc (định hướng du lịch tắm, thăm quan suối tự nhiên Khe Rằm) (X4).	Sông Cu Đê	2	X		
10	Xây dựng cầu tàu tại khu vực Bãi Cát Vàng (X16)	Bán đảo Sơn Trà	2	X		Theo quy hoạch dự kiến đầu tư năm 2019, tuy nhiên nhu cầu du lịch tại Bãi cát vàng nên cần thiết đầu tư ngay để phát triển du lịch.
11	Bến du lịch bán đảo Sơn Trà (Tại KDL Biển Đông Resort (X17)	Bán đảo Sơn Trà	5		X	Theo quy hoạch dự kiến đầu tư năm 2021 tuy nhiên xét thấy Bán đảo Sơn Trà được đầu

TT	Tên dự án	Địa điểm trên sông	Dự kiến mức đầu tư (tỷ đồng)	Dự kiến nguồn vốn đầu tư		Ghi chú
				NSNN	XHH	
12	Bến du lịch bán đảo Sơn Trà (Tại Sơn Trà Spa Resort) (X18)	Bán đảo Sơn Trà	5		X	tu phát triển du lịch mạnh nên cần đầu tư bến bãi cầu tàu để phát triển du lịch biển.
IV	Năm 2019		15			
13	Bến du thuyền tại nhà máy đóng tàu sông Thu (cũ) (Y7)	Sông Hàn	5	X		Triển khai đầu tư sau khi phê duyệt quy hoạch cảnh quan 02 bên bờ sông Hàn.
14	Cầu tàu tại khu vực Khu dịch vụ du lịch ven sông Hàn (Y4)	Sông Hàn	5		X	
15	Bến du thuyền tại khu vực dự án Olalani Riverside Tower (Y2)	Sông Hàn	5		X	
V	Năm 2020		4			
16	Xây dựng cầu tàu tại khu vực Chùa Quan Thế Âm (X6)	Sông Cỏ Cò	2	X		Triển khai sau khi nạo vét sông Cỏ Cò và phá dỡ đập Đồng Nò, đập Bờ Quang.
17	Xây dựng cầu tàu tại khu vực danh thắng Ngũ Hành Sơn (khu đô thị FPT) (X7)	Sông Cỏ Cò	2	X		
VI	Năm 2021		28			
18	Xây dựng cầu tàu tại khu phức hợp bến cảng du thuyền sông Hàn, phường Thuận Phước, Q. Hải Châu (Y5)	Sông Hàn	10		X	
19	Khu vực Trung tâm hội chợ triển lãm - Đà Nẵng (X10)	Sông Cẩm Lệ	3	X		
20	Khu vực phía Tây dự án Golden Hills mở rộng (phía Tây cầu Trường Định). (X3)	Sông Cu Đê	5		X	

TT.	Tên dự án	Địa điểm trên sông	Dự kiến mức đầu tư (tỷ đồng)	Dự kiến nguồn vốn đầu tư		Ghi chú
				NSNN	XHH	
VII	Năm 2022		12			
21	Khu vực làng Phong Lệ. (X11)	Sông Cẩm Lệ	2	X		
22	Bến du lịch bán đảo Sơn Trà (X19, X20)	Bán đảo Sơn Trà	10		X	
VIII	Năm 2023		9			
23	Vị trí bên du thuyền vào quy hoạch dự án khu công viên văn hóa và vui chơi giải trí phía Đông Nam Đài Tưởng Niệm (Y8).	Sông Hàn	5	X		
24	Khu vực Cẩm Nê, xã Hòa Tiến. (X12).	Sông Cẩm Lệ	2	X		
25	Khu vực bên Hầm Vàng trên tuyến sông Cu Đê cách cầu Nam Ô khoảng 1km (cuối đường Ngô Xuân Thu) (X2)	Sông Cu Đê	2		X	
IX	Năm 2024		02			
26	Khu vực khu liên hợp thể dục thể thao Hòa Xuân (X8)	Sông Vĩnh Điện	2	X		
X	Năm 2025		06			
27	Khu vực Bara An Trạch – xã Hòa Khương (X15).	Sông Túy Loan	2	X		
28	Khu vực khu nghỉ dưỡng cho người cao tuổi theo tiêu chuẩn Nhật Bản (phía Đông sông Vĩnh Điện đoạn giáp Quảng Nam) (X9).	Sông Vĩnh Điện	4	X		